

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/ HS-ST.  
Ngày 03 tháng 11 năm 2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Phước Tự.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông: Nguyễn Hoàng Minh.

2/ Ông: Phạm Văn Liệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Thanh Phong - Thư ký tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Hùng Dương - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 03 tháng 11 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021 ngày 21/10/2021 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Nguyễn Xuân T (tên gọi khác: T Bắc K), sinh năm 1984, tại: thành phố Hải Phòng; HKTT: khu dân cư 01, phường 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú hiện nay: Ấp 3, xã 4, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm: 1952 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1955; gia đình bị cáo: có 04 anh em, bị cáo là con thứ 3; vợ: Lê Thị Đ, sinh năm 1983; con: có một con sinh năm 2013; tiền sự: tiền án: không; nhân thân: Vào ngày 23/6/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, An Giang xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 17/2021/HSST hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

2/ Họ và tên: Nguyễn Quốc K1(tên gọi khác: không) sinh năm 1994, tại: tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp 2, xã 3, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm:

1965 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1972; gia đình bị cáo: có 02 anh em, bị cáo là con thứ 1; vợ, con: không; tiền sự: tiền án: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số 37 ngày 08/6/2021, hiện bị cáo đang trú tại Ấp 2, xã 3, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

3/ Họ và tên: Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Phúc M), sinh năm 1989, tại: tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: khóm 5, phường 6, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; cha: không rõ, mẹ Đinh Thị Th (chết); bị cáo có 05 chị em, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; vợ, con: không; tiền sự: tiền án: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số 17 ngày 23/4/2021, hiện bị cáo đang trú tại khóm 5, phường 6, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

- Bị hại:

1. Phan Thị Nh, sinh năm 1970; Trú tại; Ấp 2, xã 3, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

2. Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1990; Trú tại; khóm 5, phường 6, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị B1, sinh năm: 1972; Trú tại: Ấp 2, xã 3, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Lê Hoàng L1, sinh năm: 1978, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Nguyễn Văn Ch, sinh năm: 1965, có đơn xin xét xử vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 03/12/2020 Nguyễn Xuân T đến nhà Giang Ngọc Y trú ấp 1, xã 2, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp chơi, khoảng 14 giờ cùng ngày T gọi điện thoại cho bạn là Nguyễn Quốc K1 đến nhà Y chờ T về. Sau khi nghe điện thoại xong, thì K1 chạy xe mô tô biển số 66M1- 0000 (xe của K1) đến nhà Y rước T. Tại đây T rủ K1 đi tìm tài sản trộm, K1 đồng ý và trực tiếp chở T theo hướng về xã Phú Lợi, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, khi đến đoạn Ấp 2 thì T và K1 phát hiện có một xe mô tô của bà Phan Thị Nh dựng cặp lề đường bên phải hướng đi, bên đối diện là nhà bà Nh, trên xe có gắn sẵn chìa khóa. Để quan sát K1 chở T chạy qua, chạy lại nhiều lần, cuối cùng gặp ông Lê Hoàng L1 đang đi trên đường cách chỗ xe bà Nh đậu khoảng 100m, để đánh lạc hướng ông L1, K1

dừng xe lại hỏi ông L1 đường nào về “Khu 2” ông L1 nói “chạy thẳng qua cầu bê tông rồi quẹo phải”, hỏi xong K1 quay đầu xe trở lại, khi đến vị trí xe của bà Nh, thì K1 dừng xe lại cho T xuống lấy xe của bà Nh, nổ máy chạy đi về hướng xã An Phong, còn K1 thì chạy theo sau. Khi đến địa bàn xã Phú Ninh thì K1 bị lực lượng tuần tra của Công an Phú Ninh bắt giữ đem về xã làm việc, lợi dụng sơ hở K1 thoát ra bên ngoài điện thoại báo tin cho T1 biết là đã bị công an bắt rồi. Lúc này tuy T đã chạy thoát, nhưng vì sợ bị bắt nên khi đến bờ kênh Huyện Huy thì T đã bỏ xe vừa trộm được của bà Nh lại đó, rồi trốn khỏi địa phương. Hiện tại không thu hồi được xe.

Theo kết quả định giá tài sản số 04/KL-HĐ ngày 21/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Thanh Bình, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda loại FUTURE F1 màu đỏ - đen – xám, biển số 66B1- 00000 có giá trị 18.333.000 đồng.

Trong thời gian bỏ trốn thì cùng Nguyễn Văn H đi chơi ở Thành phố Hồng Ngự lúc đó vào khoảng 02 giờ ngày 18/02/2021 trên đường về thì xe bị thùng ruột, T dẫn xe đi trước, còn H đi bộ theo sau, khi đi ngang qua nhà chị Nguyễn Thị Ngọc D ngụ 5, phường 6, thành phố Hồng Ngự, thấy trong sân có cây mai vàng đẹp, T rủ H cùng nhau lấy trộm thì được H đồng ý, cụ thể H đã leo rào vào trong nhô cây mai đưa ra ngoài cho T để trên ba ga xe dẫn đi được khoảng 500m T hỏi H giờ tính sao? H nói “anh đem bán đi” nói xong thì H về nhà, còn T cũng dẫn xe cùng cây mai về nhà T. Sau đó T đem cây mai đến nhà ông Nguyễn Văn Ch ở xã 1, huyện Tam Nông kêu bán, nhưng ông Ch không mua, bị cáo T vứt bỏ cây mai tại khu đất trống gần nhà ông Ch, hiện tại đã thu hồi được cây mai trên và trả lại cho bị hại xong. Về phía chị D sáng ngày 18/2/2021, khi phát hiện mất cây mai chị đã báo cho Công an phường An Bình A, thành phố Hồng Ngự biết và sau đó chị đã được cơ quan chức năng trao trả đúng cây mai đã bị mất trộm.

Theo kết quả định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 03/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thành phố Hồng Ngự, kết luận: 01 cây mai kiểng táng lá màu xanh, thân uốn cong chiều cao 01m, hoành thân cây 35cm, cây sống tươi tốt, trị giá 7.250.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKS-TB ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình đã truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Quốc K1, Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Tại phiên tòa Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng Truy tố vì có đủ cơ sở xác định ngày 03/12/2020 bị cáo Nguyễn Xuân T đã cùng với Nguyễn Quốc K1 lợi dụng sơ hở của bà Phan Thị Nh đã lén lút chiếm đoạt của bà Nh trú tại Ấp 2, xã 3 huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp 01 xe mô tô có giá là 18.333.000 đồng và ngày 18/02/2021 T đã cùng với Nguyễn Văn H lén lút chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Ngọc D trú tại khóm 5, phường 6, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp 01 cây mai vàng có giá trị là 7.250.000 đồng.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ, hậu quả tác hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nguyên nhân điều kiện dẫn đến phạm tội và nhân thân của từng bị cáo. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 56; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, tổng hợp với bản án của Tòa án huyện Tân Phú, tỉnh An Giang 03 năm 06 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Quốc K1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn H từ 09 tháng đến 01 năm tù; Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo Nguyễn Xuân T bồi thường cho bị hại Phan Thị Nh 8.833.000 đồng; tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 02 điện thoại (01 của T và 01 của K1) theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Về hình phạt bổ sung do các bị cáo là người làm thuê không có thu nhập nên đề nghị miễn áp dụng đối với các bị cáo.

Phản tranh luận các bị cáo thừa nhận tội nên không tranh luận với Kiểm sát viên.

Nói lời sau cùng các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Quốc K1, Nguyễn Văn H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm về hòa nhập cộng đồng xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện và Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, không có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Xuân T thừa nhận đã cùng với Nguyễn Quốc K1 lợi dụng bà Phan Thị Nh ngụ xã 1, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp sơ hở trong việc quản lý tài sản, cụ thể là dựng xe mô tô cặp lộ, không ai trông coi, đồng thời còn gắn chìa khóa trên xe, đã tạo điều kiện thuận lợi cho T và K1 lén lút lấy chạy đi. Sau đó K1 thì bị lực lượng tuần tra công an Phú Ninh phát hiện bắt giữ cùng với phương tiện dùng vào việc phạm tội là xe mô tô của K1 . Còn T thì bỏ

xe trộm được tại bờ kênh Huyện Huy rồi trốn thoát. Hiện tại xe không thu hồi được, nhưng qua mô tả của người bị hại thì HĐ định giá kết luận xe của bà Nhỏ có giá trị là 18.333.000 đồng, vì vậy có đủ cơ sở xác định tài sản mà K1 và T chiếm đoạt của bà Phan Thị Nh là 18.333.000 đồng. Ngoài lần cùng K1 trộm xe ra, thì sau đó khoảng 02 tháng T cùng với Nguyễn Văn H lén lút lấy một cây mai kiềng của chị Nguyễn Thị Ngọc D ngụ 5, phường 6, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp sau đó đem cây mai về bán cho ông Nguyễn Văn Ch ngụ ở ấp 1, xã 2, huyện Tam Nông, nhưng ông Ch không mua, T đã bỏ cây mai tại khu đất trống gần nhà ông Ch, khi sự việc được phát hiện cơ quan chức năng đã thu giữ cây mai trả lại cho bị hại D, giá trị cây mai mà T và H chiếm đoạt có giá là 7.250.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo T phù hợp với lời khai của bị cáo K1 và bị cáo H cả về thời gian, không gian và địa điểm, đồng thời đúng với sự khai báo của người bị hại, cũng như lời khai người liên quan và người làm chứng trong vụ án. Vật chứng thu giữ là cây mai cũng được bị hại D xác nhận là bị mất ngày 18/02/2021. Cho nên, lời nhận tội của các bị cáo là có căn cứ, đúng với sự thật khách quan của vụ án. Khi thực hiện hành vi các bị cáo có đầy đủ nhận thức lén lút lấy tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Quốc K1, Nguyễn Văn H đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” phạm vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự có quy định:

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, kỹ cương pháp luật bị xâm hại, các bị cáo không tôn trọng tài sản của người khác, xâm phạm khách thể là quyền sở hữu tài sản được luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến. Cho nên, việc đưa các bị cáo ra xét xử công khai như ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật và mang tính phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Trong vụ án này có 03 bị cáo cùng phạm tội, mang tính đồng phạm giản đơn và vai trò của từng bị cáo được thể hiện như sau:

[4.1] Bị cáo Nguyễn Xuân T là kẻ chủ mưu cả 02 lần phạm tội đều chủ động rủ bị cáo K1 và bị cáo H rồi cùng thực hiện chiếm đoạt tài sản của 02 người với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 25.583.000 đồng, cho nên T phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án này với vai trò là kẻ chủ mưu cho cả 02 lần phạm tội và với tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Ngoài ra về nhân thân bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện Phú

Tân, tỉnh An Giang xét xử vào ngày 23/6/2021 về tội “ Cướp giật tài sản” với mức xử phạt 03 năm 06 tháng tù. Rõ ràng bị cáo T có ý thức xem thường luật pháp, hết lần phạm tội này thì lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần phải nghiêm trị. Do đó phải cách ly bị cáo T ra khỏi xã hội một thời gian dài để bị cáo từ bỏ con đường phạm tội. Tuy nhiên quá trình xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS nên HĐXX cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là thỏa đáng.

[4.2] Bị cáo H và bị cáo K1 là người đồng phạm tích cực cho bị cáo T, khi nghe T gợi ý đi trộm tài sản của người khác thì đồng ý ngay và trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm tài sản hoặc cùng đi tìm tài sản để lấy, K1 thì cùng phạm tội với T lấy tài sản của bà Phan Thị Nh có giá trị đến 18.333.000 đồng, H thì cùng với T chiếm đoạt cây mai vàng của chị D có giá trị là 7.250.000 đồng, vai trò của K1 cũng như H hết sức nguy hiểm đã giúp sức tích cực cùng T phạm tội. Cho nên cũng, cần cách ly các bị cáo K1 và H ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để các bị cáo lao động, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên tài sản mà bị cáo H cùng với T chiếm đoạt có giá trị 7.250.000 đồng, nên mức xử phạt bị cáo H là thấp hơn bị cáo K1.

Quá trình xét xử bị cáo K1 và H đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, mới phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Riêng bị cáo K1 đã tác động gia đình tích cực khắc phục được 9.500.000 đồng cho bị hại Nh, đồng thời người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K1, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ khác quy định ở khoản 2 Điều 51 BLHS. Do đó HĐXX cân nhắc xem xét giảm nhẹ cho bị cáo H, bị cáo K1 là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Qua trình bày của các bị cáo tại phiên tòa, cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các bị cáo là người làm thuê, không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, cho nên HĐXX không áp dụng phạt bổ sung là tiền đối với các bị cáo.

[6] Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, đồng thời phù hợp với phân tích của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: người bị hại Phan Thị Nh yêu cầu bị cáo T và K1 liên đới bồi thường giá trị tài sản xe mô tô bị chiếm đoạt hiện chưa thu hồi được là 30.000.000 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa bị hại Nh chỉ yêu cầu bồi thường giá trị xe bị mất có giá trị là 18.333.000 đồng. Bị cáo K1 đã bồi thường 9.500.000 đồng, còn lại 8.833.000 đồng là nghĩa vụ của bị cáo Nguyễn Xuân T phải có trách nhiệm bồi thường. Bị cáo T đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà Nhỏ nên cần chấp nhận là phù hợp với Điều 585 BLDS.

Riêng đối với bị hại Nguyễn Thị D đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường, tại phiên tòa không phát sinh gì thêm nên không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Quá trình điều tra đã thu giữ của Nguyễn Quốc K1 01 điện thoại di động nhãn hiệu SONY XPERIA; thu giữ của Nguyễn Xuân T 01 điện thoại di động nhãn hiệu MI màu hồng, đây là phương tiện mà bị cáo K1 và bị cáo T dùng để liên lạc nhau trong quá trình thực hiện tội phạm, nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS;

Đối với các tài sản khác đã trao trả cho chủ sở hữu đúng pháp luật nên không xem xét giải quyết.

Riêng đối với chiếc xe mô tô biển số 66M1-0000 nhãn hiệu YAMAHA màu sơn đen, loại xe SIRUIS K1 dùng làm phương tiện chở T đi tìm xe trộm, qua xác minh K1 trình bày đã mua của một người lạ không biết tên tuổi địa chỉ, theo kết quả tra cứu xe trên đứng tên là Lê Phước T2 ngụ ấp 1, xã 2, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, nhưng theo xác nhận của Công an huyện Tháp Mười ông Lê Phước T2 không có đăng ký hộ khẩu thường trú địa chỉ trên, đáng lý ra cơ quan điều tra phải ra thông báo tìm chủ sở hữu theo Điều 228 BLDS, nhưng đến nay chưa thực hiện vì vậy, cần trả lại cho chủ sở hữu khi tìm được chủ sở hữu trong thời hạn thông báo, trường hợp hết thời hạn thông báo mà không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[9] Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Quốc K1, Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Riêng bị cáo T còn phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm do phải có nghĩa vụ bồi thường trách nhiệm dân sự theo quy định.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Quốc K1, Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt Nguyễn Xuân T– 02 (hai) năm tù. Áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm, 06 (sáu) tháng tù của bản án số 17/2021/HS-ST ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải chấp hành 02 bản án là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 23/02/2021.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt Nguyễn Quốc K1– 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt Nguyễn Văn H– 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam tại phiên tòa ngày 03/11/2021.

Bắt tạm giam bị cáo tại phiên tòa (lý do không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, gây khó khăn cho công tác xét xử)

4. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 585 Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T và Nguyễn Quốc K1 mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường  $\frac{1}{2}$  cho Phan Thị Nh trên tổng số tiền giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 18.333.000 đồng. Bà Nhỏ đã nhận của bị cáo K1 bồi thường 9.500.000 đồng, còn lại 8.833.000 đồng buộc bị cáo Nguyễn Xuân T có trách nhiệm bồi thường cho bà Phan Thị Nh.

Đối với tiền bồi thường khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nhỏ cho đến khi thi hành án xong, bị cáo T còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SONY XPERIA đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Quốc K1;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu MI màu hồng đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Xuân T.

(Các tài sản trên đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình quản lý)

- Đối với Xe mô tô biển số 66M1-0000 nhãn hiệu YAMAHA màu sơn đen, loại xe SIRUIS thu của Nguyễn Quốc K1.

Trả lại cho chủ sở hữu khi tìm được chủ sở hữu trong thời hạn thông báo, trường hợp hết thời hạn thông báo mà không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

(Xe đang do cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Thanh Bình đang quản lý)



2. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự Điều 23, Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 442.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc K1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án (03/11/2021). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CSĐT CA huyện Thanh Bình;
- THA HS CA huyện Thanh Bình;
- CC THA huyện Thanh Bình; Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án. (Phong)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Trương Phước Tự**